

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA
NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

Handwritten signature and date: 12/01/2011

. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tính	Ủy viên
Ông Phùng Văn Sinh	Ủy viên
Ông Trần Hữu Nam	Ủy viên
Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Số: 448 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khiếu Chi Loan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



PHÓ CHỦ TỊCH
PHẠM CÔNG KHẢI

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.859.319.313	129.190.593.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.618.770.639	30.427.229.304
1. Tiền	111		7.605.192.120	10.427.229.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.013.578.519	20.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.186.399.743	96.447.308.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	102.303.448.249	96.706.788.619
2. Phải thu ngắn hạn khác	136		149.202.049	114.334.469
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(266.250.555)	(373.814.754)
III. Hàng tồn kho	140	8	2.462.429.962	410.823.894
1. Hàng tồn kho	141		2.462.429.962	410.823.894
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.591.718.969	1.905.231.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	762.884.505	1.318.605.884
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	13	828.834.464	586.625.939
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.433.771.835	31.868.772.446
I. Tài sản cố định	220		39.453.812.458	30.405.560.169
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.453.812.458	30.405.560.169
- Nguyên giá	222		80.125.932.035	62.849.839.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.672.119.577)	(32.444.279.094)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		49.022.644	49.022.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.022.644)	(49.022.644)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	246.324.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	246.324.200
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.293.080.591	2.293.080.591
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.293.080.591)	(1.293.080.591)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		979.959.377	216.888.077
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	979.959.377	216.888.077
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		157.293.091.148	161.059.365.801

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÁU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.948.601.291	77.845.893.974
L. Nợ ngắn hạn	310		78.948.601.291	77.845.893.974
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	25.243.303.038	13.714.204.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.600.000	47.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	10.499.870.138	14.403.211.860
4. Phải trả người lao động	314		36.045.697.024	44.131.858.389
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		393.835.747	482.719.858
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.396.997.560	2.196.227.461
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.291.297.784	2.870.071.497
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.344.489.857	83.213.471.827
L. Vốn chủ sở hữu	410	15	78.344.489.857	83.213.471.827
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.904.411.000	8.452.147.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.440.078.857	24.761.324.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.199.392.827	5.943.893.612
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.240.686.030	18.817.431.215
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		157.293.091.148	161.059.365.801



Nguyễn Văn Tính
 Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Nhài

Đặng Thị Nhài
 Kế toán trưởng

Phạm Thúy Hải

Phạm Thúy Hải
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1 Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	16	195.380.951.683	207.799.545.004
2 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		195.380.951.683	207.799.545.004
3 Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	17	165.630.428.295	165.026.021.178
4 Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.750.523.388	42.773.523.826
5 Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	665.400.593	1.956.442.734
6 Chi phí tài chính	22		-	646.540.296
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	17.517.066.561	19.617.879.652
8 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-26)	30		12.898.857.420	24.465.546.612
9 Thu nhập khác	31		486.739.455	182.672.788
10 Chi phí khác	32		106.024.636	124.459.861
11 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		380.714.819	58.212.927
12 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.279.572.239	24.523.759.539
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	3.038.886.209	5.706.328.324
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.240.686.030	18.817.431.215
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.048	2.296



Nguyễn Văn Tính
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Đặng Thị Nhài
Kế toán trưởng

Phạm Thúy Hải
Người lập biểu

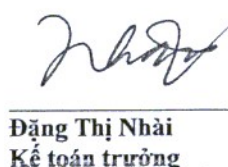
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

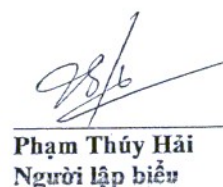
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.279.572.239	24.523.759.539
2. Điều chỉnh cho các khoản:		7.513.377.636	5.958.016.809
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.268.960.483	7.267.919.247
- Các khoản dự phòng	03	(107.564.199)	646.540.296
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(648.018.648)	(1.956.442.734)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.792.949.875	30.481.776.348
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(5.704.428.210)	(20.655.845.434)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.051.606.068)	264.973.345
- (Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(806.834.668)	3.597.342.150
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước, tài sản ngắn hạn	12	(207.349.921)	369.448.750
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.211.415.793)	(6.435.888.703)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.240.766.916	2.320.222.534
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.588.441.713)	(5.238.802.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	463.640.418	4.703.226.218
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.469.754.091)	(13.713.120.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	49.636.360	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	16.200.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	648.018.648	1.956.442.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.772.099.083)	4.443.322.734
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(20.808.458.665)	1.646.548.952
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30.427.229.304	28.780.680.352
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	9.618.770.639	30.427.229.304


Nguyễn Văn Tĩnh
 Tổng Giám đốc


Đặng Thị Nhài
 Kế toán trưởng


Phạm Thúy Hải
 Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 5 năm 2013.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 804 (31 tháng 12 năm 2014: 792).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay, cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo, vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp, xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông, thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng, kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập ra bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015 Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	04 - 19
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị văn phòng	05 - 09
Tài sản khác	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	6.583.700	13.903.991
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.598.608.420	10.413.325.313
Các khoản tương đương tiền (*)	2.013.578.519	20.000.000.000
	9.618.770.639	30.427.229.304

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	98.172.626.303	96.332.973.865
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	26.374.116.892	80.345.437.528
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	15.666.213.084	4.890.109.040
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	12.532.916.110	2.963.008.038
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	43.599.380.217	8.134.419.259
b) Phải thu khách hàng khác	4.130.821.946	373.814.754
Các đối tượng khác	4.130.821.946	373.814.754
	102.303.448.249	96.706.788.619

7. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giá trị khoản phải thu quá hạn thanh toán tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	266.250.555	-	373.814.754	-
	266.250.555	-	373.814.754	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	684.568.187	-	403.271.454	-
Công cụ, dụng cụ	1.777.861.775	-	7.552.440	-
	2.462.429.962	-	410.823.894	-

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và bị giảm giá nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	8.019.104.797	44.609.363.985	7.990.758.063	2.230.612.418	-	62.849.839.263
Mua trong năm	-	12.315.571.000	2.118.738.545	35.444.546	-	14.469.754.091
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.765.686.181	-	-	-	81.772.500	2.847.458.681
Phân loại lại tài sản	-	43.200.000	-	(43.200.000)	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	(41.120.000)	-	-	(41.120.000)
Tại ngày 31/12/2015	10.784.790.978	56.968.134.985	10.068.376.608	2.222.856.964	81.772.500	80.125.932.035
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	3.564.030.996	21.852.375.959	5.822.512.964	1.205.359.175	-	32.444.279.094
Khấu hao trong năm	1.218.944.502	6.090.646.511	588.398.296	363.167.614	7.803.560	8.268.960.483
Thanh lý trong năm	-	-	(41.120.000)	-	-	(41.120.000)
Tại ngày 31/12/2015	4.782.975.498	27.943.022.470	6.369.791.260	1.568.526.789	7.803.560	40.672.119.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	6.001.815.480	29.025.112.515	3.698.585.348	654.330.175	73.968.940	39.453.812.458
Tại ngày 31/12/2014	4.455.073.801	22.756.988.026	2.168.245.099	1.025.253.243	-	30.405.560.169

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.079.715.924 VND (31 tháng 12 năm 2014: 8.870.609.647 VND).

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	1.293.080.591	(1.293.080.591)	1.293.080.591	(1.293.080.591)
Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	2.293.080.591	(1.293.080.591)	2.293.080.591	(1.293.080.591)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	762.884.505	1.318.605.884
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	979.959.377	216.888.077
	1.742.843.882	1.535.493.961

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	231.075.000	231.075.000	354.559.886	354.559.886
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	86.196.000	86.196.000	43.098.000	43.098.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	144.879.000	144.879.000	125.378.500	125.378.500
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	-	186.083.386	186.083.386
Phải thu khách hàng khác	25.012.228.038	25.012.228.038	13.359.645.023	13.359.645.023
Công ty Cổ phần SETIN	3.638.037.669	3.638.037.669	3.811.250	3.811.250
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	4.484.752.598	4.484.752.598	5.261.892.851	5.261.892.851
Công ty TNHH vật tư Sơn Hùng Phát	4.812.632.238	4.812.632.238	-	-
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp GSI Việt Nam	3.417.930.290	3.417.930.290	-	-
Các đối tượng khác	8.658.875.243	8.658.875.243	8.093.940.922	8.093.940.922
	25.243.303.038	25.243.303.038	13.714.204.909	13.714.204.909

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải thu, phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	586.625.939	1.603.053.592	1.845.262.117	828.834.464
	586.625.939	1.603.053.592	1.845.262.117	828.834.464
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	9.667.747.175	19.573.064.819	20.594.345.493	8.646.466.501
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.025.933.221	3.038.886.209	5.211.415.793	1.853.403.637
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	709.531.464	284.654.784	994.186.248	-
Các loại thuế, phí khác	-	23.010.342	23.010.342	-
Cộng	14.403.211.860	22.919.616.154	26.822.957.876	10.499.870.138

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	433.798.799	539.689.570
Hoàn thuế thu nhập cá nhân	828.834.464	586.625.939
Quỹ hỗ trợ do cán bộ, nhân viên đóng góp	482.679.201	420.059.201
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	639.969.977	608.620.409
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	11.716.075	41.232.342
	2.396.997.560	2.196.227.461

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	50.000.000.000	3.256.669.000	2.324.561.000	21.466.726.612	77.047.956.612
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.817.431.215	18.817.431.215
Trích quỹ	-	1.913.945.000	956.972.000	(8.022.833.000)	(5.151.916.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	50.000.000.000	5.170.614.000	3.281.533.000	24.761.324.827	83.213.471.827
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	3.281.533.000	(3.281.533.000)	-	-
Tại ngày 01/01/2015	50.000.000.000	8.452.147.000	-	24.761.324.827	83.213.471.827
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.240.686.030	10.240.686.030
Trích quỹ (*)	-	3.452.264.000	-	(11.061.932.000)	(7.609.668.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	50.000.000.000	11.904.411.000	-	16.440.078.857	78.344.489.857

(*) Theo Nghị quyết số 28/NQ-NPS-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014, cụ thể như sau:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 3.452.264.000 VND;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 7.338.668.000 VND;
- Quỹ thưởng viên chức quản lý: 271.000.000 VND;
- Chia cổ tức cho các cổ đông: 7.500.000.000 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	25.000.000.000	50	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
	50.000.000.000	100	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.380.951.683	207.799.545.004
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan	195.113.234.501	206.692.482.818
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	86.854.282.912	152.444.279.896
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	23.928.319.465	10.302.022.916
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	59.700.322.531	27.278.746.710
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	24.630.309.593	16.667.433.296
	195.380.951.683	207.799.545.004

17. GIÁ VỐN

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	165.630.428.295	165.026.021.178
	165.630.428.295	165.026.021.178

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	515.400.593	1.816.442.734
Cổ tức	150.000.000	140.000.000
	665.400.593	1.956.442.734

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.299.243.469	1.668.450.772
Chi phí nhân công	10.004.140.269	11.143.316.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.227.404.428	1.270.143.715
Chi phí quản lý khác	4.986.278.395	5.535.968.558
	17.517.066.561	19.617.879.652

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.974.920.859	11.392.011.979
Chi phí nhân công	126.049.632.599	138.061.168.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.235.295.479	7.239.659.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.084.893.734	11.153.474.960
Chi phí khác bằng tiền	14.802.752.185	16.797.586.822
	183.147.494.856	184.643.900.830

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	13.279.572.239	24.523.759.539
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	533.546.893	973.869.220
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(150.000.000)	(140.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	683.546.893	1.113.869.220
Thu nhập chịu thuế	13.813.119.132	25.497.628.759
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	3.038.886.209	5.609.478.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung sau quyết toán	-	96.849.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.038.886.209	5.706.328.324

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
Lợi nhuận trong năm (VND)	10.240.686.030	18.817.431.215
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(7.338.668.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.240.686.030	11.478.763.215
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.048	2.296

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/TT-BTC. Ngoài ra, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015.

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	979.210.087	850.335.888

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	979.210.087	979.210.087
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.916.840.348	3.916.840.348
Sau năm năm	36.329.110.556	37.308.320.643
	41.225.160.991	42.204.371.078

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê 62.428,3 m² đất tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương với giá thuê 12.610 đồng/m²/năm (đơn giá theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 1429/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2014). Hợp đồng thuê đất có thời hạn 50 năm tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2008, được ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào ngày 12 tháng 8 năm 2009; và

- Số tiền thuê 13.366 m² đất khu đồi cao tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương với giá thuê 14.364 đồng/m²/năm. Hợp đồng thuê đất có thời hạn 44 năm và hết hiệu lực vào ngày 11 tháng 9 năm 2056.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	9.618.770.639	30.427.229.304
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	78.344.489.857	83.213.471.827
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.618.770.639	30.427.229.304
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.186.399.743	96.447.308.334
Đầu tư tài chính dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	112.805.170.382	127.874.537.638
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	26.083.853.577	14.342.063.190
Chi phí phải trả	393.835.747	482.719.858
Tổng cộng	26.477.689.324	14.824.783.048

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 25.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.618.770.639	-	9.618.770.639
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.186.399.743	-	102.186.399.743
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	111.805.170.382	1.000.000.000	112.805.170.382
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	26.083.853.577	-	26.083.853.577
Chi phí phải trả	393.835.747	-	393.835.747
Tổng cộng	26.477.689.324	-	26.477.689.324
Chênh lệch thanh khoản thuần	85.327.481.058	1.000.000.000	86.327.481.058
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.427.229.304	-	30.427.229.304
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.447.308.334	-	96.447.308.334
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	126.874.537.638	1.000.000.000	127.874.537.638
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.342.063.190	-	14.342.063.190
Chi phí phải trả	482.719.858	-	482.719.858
Tổng cộng	14.824.783.048	-	14.824.783.048
Chênh lệch thanh khoản thuần	112.049.754.590	1.000.000.000	113.049.754.590

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	86.854.282.912	152.444.279.896
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	23.928.319.465	10.302.022.916
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	59.700.322.531	27.278.746.710
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	24.630.309.593	16.667.433.296
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3.508.776.448	3.871.594.530
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	307.936.012
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	78.360.000	77.280.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	212.798.182	113.980.455
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.509.600.000	1.190.325.207

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	98.172.626.303	96.332.973.865
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	26.374.116.892	80.345.437.528
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	15.666.213.084	4.890.109.040
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	12.532.916.110	2.963.008.038
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	43.599.380.217	8.134.419.259
Phải trả nhà cung cấp	231.075.000	354.559.886
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	86.196.000	43.098.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	144.879.000	125.378.500
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	186.083.386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại theo Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị : VND

Theo Quyết định số 15/2016/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200		
Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 Thay đổi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014					
I. Tài sản			I. Tài sản		
1. Phải thu khách hàng	131	96.706.788.619	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	96.706.788.619 Đổi tên
2. Các khoản phải thu khác	135	114.334.469	2. Phải thu ngắn hạn khác	136	114.334.469 Đổi tên và đổi mã số
3. Đầu tư dài hạn khác	258	2.293.080.591	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2.293.080.591 Đổi tên và đổi mã số
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn		
1. Phải trả người bán	312	13.714.204.909	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.714.204.909 Đổi tên và đổi mã số
2. Người mua trả tiền trước	313	47.600.000	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	47.600.000 Đổi tên và đổi mã số
3. Chi phí phải trả	316	482.719.858	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	482.719.858 Đổi tên và đổi mã số
4. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	2.196.227.461	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.196.227.461 Đổi tên
5. Vốn điều lệ	411	50.000.000.000	5. Vốn góp của chủ sở hữu	411	50.000.000.000 Đổi tên
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.170.614.000	6. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.452.147.000 Phân loại lại
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	3.281.533.000	Không có chỉ tiêu tương ứng		- Phân loại lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014					
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.296	70	3.763	Tính toán lại



Nguyễn Văn Tính
Tổng Giám đốc

(Signature)

Đặng Thị Nhài
Kế toán trưởng

(Signature)

Phạm Thúy Hải
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2016